

Bản án số: 66/2025/DS-PT
Ngày 19 - 02 - 2025
(V/v tranh chấp chia thừa kế)

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ninh Quang Thế

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 549/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp chia thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 178/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 402/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Bích T, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Minh K, sinh năm 1978. Cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Minh K:

1. Bà Bùi Ánh T1, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà T1: Ông Nguyễn Văn T2, là Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Ngô Đình C thuộc đoàn Luật sư tỉnh C (Có mặt).

2. Bà Phan Thị N, sinh năm 1959. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền cho bà Phan Thị N: Ông **Bùi Minh B**, sinh năm 1950. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

3. Cháu **Trần Duy K1**, sinh năm 2011. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người giám hộ cho cháu K1: Bà Bùi Ánh T1, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

4. Anh **Trần Duy K2**, sinh năm 2002. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền cho anh Trần Duy K2: Ông **Phan Văn L**, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị Ánh N1**, sinh năm 1969 .

Người đại diện theo uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Ánh N1: Bà **Trần Bích T**, sinh năm 1986 (là nguyên đơn trong vụ án) theo văn bản uỷ quyền ngày 13/01/2025 (Có mặt).

2. Ông **Trần Văn T3**, sinh năm 1952 (Có mặt).

3. Bà **Dương Thị L1**, sinh năm 1938.

Người đại diện theo uỷ quyền cho bà Dương Thị L1: Ông **Trần Văn T3**, sinh năm 1952 (Có mặt).

4. Ông **Trần Ngọc H**, sinh năm 1994.

Người đại diện theo uỷ quyền cho ông Trần Ngọc H: Bà **Trần Bích T**, sinh năm 1986 (là nguyên đơn trong vụ án) (Có mặt).

Người có liên quan và đại diện của họ cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Ánh T1 là người thừa kế tố tụng của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Trần Bích T trình bày: Cha của bà là ông Trần Văn K3 sinh năm 1953, mẹ bà là Nguyễn Thị Ánh N1 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1985 không có đăng ký kết hôn. Ông Trần Văn K3 chết ngày 29/12/2019 không để lại di chúc. Các con của ông K3 gồm có Trần Minh K sinh năm 1978, Trần Bích T sinh năm 1986. Tài sản ông K3 để lại gồm có phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 7.377,7m² tọa lạc ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Phần đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn K3 đứng tên. Sau khi ông K3 chết thì phần đất trên do vợ và con của ông K quản lý, sử dụng. Nay bà yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất nêu trên, bà yêu cầu được nhận ½ diện tích phần đất vị trí phía bên phải tính từ hướng lộ bê tông đến hậu đất theo đo đạc thực tế thể hiện tại các cạnh M8M12M6M7 tại bản Trích đo hiện trạng ngày 21/3/2022 của Công ty TNHH MTV T6. Do trước đây phần đất trên do ông K và gia đình của ông K quản lý, sử dụng. Ông Trần Minh K chết

ngày 14/6/2021 nên nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K và đang ở trên đất gồm bà Phan Thị N sinh năm 1959 (mẹ ông K), bà Bùi Ánh T1 (vợ ông K), anh Trần Duy K2 và Trần Duy K1 (con ông K) phải giao cho bà quản lý, sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích phần đất ông Trần Văn K3 để lại, không yêu cầu nhận giá trị đất.

Bà Bùi Ánh T1 trình bày: Phần đất tranh chấp ông Trần Văn K3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998. Đến năm 2008 ông K3 cho ông K 01 công đất mặt tiền, khi cho có làm giấy tay có ông Trần Văn T3 ký chứng kiến. Đến năm 2012 ông K3 giao toàn bộ phần đất còn lại cho ông K quản lý, canh tác. Thời điểm đó ông K3 có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng. Năm 2015 ông K đã bỏ tiền ra trả nợ ngân hàng thay cho ông K3 và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nên ông K3 đã cho ông K toàn bộ phần đất nêu trên, khi giao có làm giấy tay có bà Ngô Thị T4 và ông Phan Văn L ký chứng kiến. Do đó bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phần đất nêu trên ông K3 đã làm giấy cho ông K và ông K đã bỏ tiền ra trả nợ ngân hàng cho ông K3.

Ông Bùi Minh B là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị N thống nhất lời trình bày của bà T1, không có bổ sung gì thêm.

Ông Phan Văn L là đại diện theo ủy quyền của cháu Trần Duy K2 thống nhất lời trình bày của bà T1, không có bổ sung gì thêm.

Ông Trần Văn T3 là đại diện theo uỷ quyền cho bà Dương Thị L2 trình bày: Bà L2 là mẹ ruột của ông K3, do ông K3 chết không để lại di chúc nên bà L2 thống nhất giao kỷ phần thừa kế được hưởng cho cháu của bà là bà T để đảm bảo bà T nhận được $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế của ông K3 để lại theo như yêu cầu khởi kiện của bà T.

Bà Trần Bích T là đại diện theo uỷ quyền cho ông Trần Ngọc H trình bày: ông H là con nuôi của ông K3 thể hiện tại giấy khai sinh của ông H. Do ông K3 chết không để lại di chúc nên ông H thống nhất giao kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà T để đảm bảo bà T nhận được $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế của ông K3 để lại theo như yêu cầu khởi kiện của bà T.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Bích T đối với ông Trần Minh K về việc “Chia thừa kế quyền sử dụng đất”.

Chia cho bà Dương Thị L1, ông Trần Ngọc H, bà Trần Bích T phần diện tích đất 3.133,4m² thể hiện tại các cạnh M6M7M8M9M12 trong Bản vẽ hiện trạng ngày 21/3/2022 của Công ty TNHH T6. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị L1, ông Trần Ngọc H về việc giao toàn bộ phần đất diện tích đất 3.133,4m² trên cho bà Trần Bích T quản lý, sử dụng. Buộc bà Bùi Ánh T1 phải

giao lại phần đất diện tích đất 3.133,4m² thể hiện tại các cạnh M6M7M8M9M12 trong Bảng vẽ hiện trạng ngày 21/3/2022 của Công ty TNHH T6 cho bà Trần Bích T quản lý, sử dụng. Phần đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Giao phần đất diện tích 2.948,2m² thể hiện tại các cạnh M1M2M3M4M5M6M11M12 trong Bảng vẽ hiện trạng ngày 21/3/2022 của Công ty TNHH T6 lại cho những người thừa kế của ông Trần Minh K là bà Bùi Ánh T1, bà Phan Thị N, anh Trần Duy K2, cháu Trần Duy K1 tiếp tục quản lý sử dụng. Phần đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 05/10/2024 bà T1 kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm

Bà T1 không cung cấp thêm chứng cứ mới và cùng Luật sư bảo vệ quyền lợi của mình cho rằng ông K là người quản lý đất có cải tạo làm tăng giá trị đất cụ thể là tăng diện tích đất trong giấy chứng nhận QSDĐ từ 5.200m² lên 7.377,7m², giấy chứng nhận QSDĐ cụ K3 thế chấp ngân hàng vợ chồng ông K bỏ tiền ra chuộc về, ông H tuy là con nuôi nhưng giấy khai sinh không đúng năm sinh và tên mẹ nhưng phía bà T1 không đặt ra, ông K3 đã có hai giấy cho đất cho ông K toàn bộ phần đất này, nên kiến nghị HĐXX phân chia thừa kế cho phía ông K bà T1 nhiều hơn cụ thể là thêm phần đất chôn cụ K3 kéo dài đến hết hậu đất, về giá trị đất hiện tại theo thực tế toàn bộ phần đất khoảng 800.000.000đ.

Bà T cho rằng bà là con nhưng đi làm xa nên hàng tháng có gởi tiền về người anh bà con lo cho cha, đất này là đất của cha nên bà yêu cầu chia đôi phần đất của cha để lại, bà chỉ yêu cầu chia đôi như án sơ thẩm không yêu cầu gì thêm, về giá trị đất theo giá trị thẩm định không ít hơn giá trị đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về tố tụng HĐXX và các đương sự chấp hành đúng quy định của bộ luật TTDS. Về nội dung kiến nghị nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà T1 sửa bản án dân sự sơ thẩm số 178/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước theo hướng chia cho bà T phần đất có phần mộ của cụ K3 với diện tích 3.038,8m², phía ông K phần đất còn lại có diện tích 4.338,9m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức, về nội dung và thời hạn kháng cáo được bà T1 thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật TTDS, nên HĐXX xem xét yêu cầu kháng cáo của bà theo trình tự phúc thẩm. Về thẩm quyền, cấp sơ thẩm xác

định đúng thẩm quyền và thụ lý giải quyết đúng quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật TTDS.

[2] Xét kháng cáo của bà T1: Tại phiên tòa bà T1 và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà cho rằng toàn bộ phần đất của cụ K3 để lại, trước khi qua đời vào năm 2008 và 2018 cụ K3 đã cho toàn bộ phần đất này cho ông K thể hiện tại giấy cho đất ngày 07/7/2008 (BL 207, 171) cho 1.300m² đất thổ cư mặt tiền có xác nhận của trưởng ấp là ông Trần Văn T3, ngày 07/10/2018 (BL 205, 172) cụ K3 cho tiếp phần đất còn lại, lần này giấy tặng cho không có xác nhận của chính quyền, nên toàn bộ phần đất của cụ K3 để lại không phải là di sản thừa kế. HĐXX xem xét hai hợp đồng cho đất nêu trên, nhận thấy đối với hợp đồng cho đất ngày 07/7/2008 tuy chỉ là hợp đồng viết tay nhưng được chính quyền địa phương xác nhận việc tặng cho này. Tuy hai bên chưa làm hồ sơ để tách QSDĐ nhưng cụ K3 đã giao đất cho ông K sử dụng từ năm 2008 đến nay, ngoài ra ông K đã bỏ tiền ra hơn 11.000.000đ chuộc đất thế chấp từ Ngân hàng về để sử dụng. Sau khi cụ K3 mất ông K chôn cất cụ K3 trên phần đất này, nên việc tặng cho này là phù hợp quy định của pháp luật được xem xét chấp nhận, vị trí phần đất được tặng cho này được thể hiện tại thửa số 1, 2 theo bản vẽ hiện trạng ngày 21/03/2022 do Công ty TNHH MTV T6 xác lập. Còn đối với hợp đồng tặng cho ngày 07/10/2018 không có người làm chứng và không có chính quyền địa phương xác nhận, nên việc tặng cho này là chưa đảm bảo về mặt thủ tục quy định của pháp luật về việc tặng cho. Do đó việc tặng cho này không được chấp nhận, đồng nghĩa phần đất này là di sản thừa kế của cụ K3 để lại và được phân chia theo quy định của pháp luật, cụ thể tổng diện tích theo đo vẽ có diện tích 7.377,7m² – 1.300m² đã cho, còn lại phần đất là di sản thừa kế có diện tích 6.077,7m² có vị trí tại thửa số 3, 4 theo bản vẽ hiện trạng ngày 21/03/2022 do Công ty TNHH MTV T6 xác lập.

Về hàng thừa kế và người được hưởng thừa kế cấp sơ thẩm xác định đúng nên HĐXX phúc thẩm không điều chỉnh lại.

Về kỷ phần được nhận: Theo đơn khởi kiện cũng như trong suốt quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà T yêu cầu chia thừa kế và được nhận ½ diện tích đất của cụ K3 để lại, không yêu cầu nhiều hơn. Đối với bà L1, ông H xác định không nhận tài sản thừa kế mà giao kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà T để đảm bảo cho bà T được hưởng ½ giá trị di sản của cụ K3 để lại. Như vậy giới hạn yêu cầu khởi kiện của bà T cũng như việc giao kỷ phần thừa kế của bà L1 với ông H cho bà T chỉ trong phạm vi ½ giá trị di sản của cụ K3 để lại. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu phân chia thừa kế của bà T và phân chia phần đất cụ K3 để lại cho bà T và phía ông K mỗi bên 50% là phù hợp.

Như nhận định trên diện tích đất là di sản thừa kế của cụ K3 để lại còn 6.077,7m² chia hai mỗi bên được hưởng 3.038,8m². Lẽ ra phần đất chia thừa kế có vị trí tại thửa số 3, 4 theo bản vẽ. Tuy nhiên do cụ K3 hiện được chôn cất trên vị trí đất đã tặng cho ông K, hiện ông K đã mất, bà T là con duy nhất của cụ

K3 cần được trực tiếp quản lý mồ mã và thờ cúng cụ K3. Nên khi phân chia đất cần giao phần đất có ngôi mộ cụ K3 cho bà T quản lý chăm sóc, vì vậy HĐXX điều chỉnh lại ranh đất mà cấp sơ thẩm đã phân chia, cụ thể là đoạn M6M12 tịnh tiến về phía đoạn M7M8 theo bản vẽ hiện trạng bổ sung ngày 17/02/2025 sao cho đảm bảo phần đất phân chia cho bà T có ngôi mộ của cụ K3 và phần đất phân chia cho phía ông K có diện tích $1.300\text{m}^2 + 3.038,9\text{m}^2 = 4.338,9\text{m}^2$. Vì vậy HĐXX sửa một phần án sơ thẩm và điều chỉnh lại cách tuyên án về việc giao đất thẳng cho bà T không thông qua bà L1, ông H vì bà L1, ông H đã thể hiện có lời khai cho bà T ký phần thừa kế mà mình được hưởng.

Đối với bà N, bà T1, anh K2 và cháu K1 ngoài tư cách là người thừa kế tố tụng của ông K thì những người này còn có tư cách tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cấp sơ thẩm thiếu sót vấn đề này. Tuy nhiên quá trình tố tụng họ đều có tham gia, có lời trình bày và biết được kết quả xét xử, nên thiếu sót này không ảnh hưởng đến quyền lợi của họ, mặt khác cháu K1 chưa được 16 tuổi nên quyền và nghĩa vụ của cháu do bà T1 đại diện.

Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3] Về án phí: Án phí sơ thẩm được điều chỉnh lại cho phù hợp với việc phân chia và người được hưởng thừa kế, các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch trên số di sản được nhận. Án phí phúc thẩm bà T1 không phải chịu theo quy định tại điều 148 Bộ luật TTDS.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét đến.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148. 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Bùi Ánh T1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 178/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Bích T về việc yêu cầu “Chia thừa kế quyền sử dụng đất” của cụ Trần Văn K3 để lại, tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Cụ thể phân chia như sau:

- Bà Trần Bích T được chia và quản lý, sử dụng phần đất có diện tích đất $3.038,8\text{m}^2$ thể hiện tại các cạnh M6M7M8M9M12 theo bản vẽ hiện trạng bổ sung ngày 17/02/2025 của Công ty TNHH T6 là di sản của cụ Trần Văn K3 để lại.

- Những người thừa kế của ông Trần Minh K là bà Nguyễn Ánh T5, bà Phan Thị N, anh Trần Duy K2 được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất có diện

tích 4.338,9m² thể hiện tại các cạnh M1M2M3M4M5M6M11M12 theo bản vẽ hiện trạng bổ sung ngày 17/02/2025 của Công ty TNHH T6 là di sản của cụ Trần Văn K3 để lại.

(Kèm theo hai sơ đồ bản vẽ của Công ty TNHH T6 ngày 21/3/2022 và 17/02/2025).

2. Buộc bà Nguyễn Ánh T5, bà Phan Thị N, anh Trần Duy K2 có trách nhiệm giao lại phần đất diện tích đất 3.038,8m² thể hiện tại các cạnh M6M7M8M9M12 theo bản vẽ hiện trạng bổ sung ngày 17/02/2025 của Công ty TNHH T6 (Nêu trên) cho bà Trần Bích T quản lý, sử dụng.

3. Chi phí tố tụng: Bà Trần Bích T; và phía bà Nguyễn Ánh T5, bà Phan Thị N, anh Trần Duy K2 mỗi bên phải chịu 1/2 chi phí tố tụng bao gồm chi phí đo đạc, định giá tổng cộng là 25.558.500 đồng. Do bà T đã nộp xong nên phía bà T5, bà N, anh K2 phải trả lại cho bà T số tiền 12.779.200 đồng (Mười hai triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Bà Trần Bích T phải chịu 29.244.800 đồng, ngày 22 tháng 3 năm 2022 bà đã nộp tạm ứng 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0006244 được đối trừ, bà phải nộp tiếp số tiền 19.244.800 đồng.

Bà Nguyễn Ánh T5, bà Phan Thị N, anh Trần Duy K2 cùng nhau phải chịu 39.032.900 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Bà Bùi Ánh T1 không phải chịu ngày 22 tháng 10 năm 2024 bà đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018778 được hoàn lại.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Quang Thế